TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v: Ly hôn giữa anh H và chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 8, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 7, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

"Nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do"

Người làm chứng:

Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 7, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – anh Vũ Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị T đăng ký kết hôn ngày 29-9-2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh H được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung nặng nề. Vì vậy, anh H và chị T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh H đề nghị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có con chung, hiện nay chị T cũng không có thai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T; bà Vũ Thị H1 là mẹ đẻ, hiện nay cùng cư trú với chị T đã nhận thay và cam kết giao tận tay cho chị T các văn bản tố tụng của Tòa án.

Bà H1 cho biết, lời khai của anh H về thời gian tìm hiểu, quá trình chung sống của anh H, chị T, mâu thuẫn giữa anh H và chị T như anh H trình bày là đúng. Do anh H có những lời lẽ xúc phạm chị T nên chị T đã về chung sống cùng vợ chồng bà H1 tại xóm 7, xã L từ tháng 6 năm 2022. Kể từ đó anh H cũng không nhận lỗi hay có mong muốn hai bên tiếp tục chung sống. Chị T đã biết việc anh H có đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án và xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng chị T không nhất trí ly hôn vì quy định ràng buộc của tôn giáo. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh H với chị T theo quy định pháp luật. Về con chung và về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như anh H đã trình bày là đúng nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, đến nay chị T vẫn không đến Tòa làm việc, không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.

Bà H1 xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị T. Về con chung và Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; người làm chứng bà Vũ Thị H1 xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29-9-2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi chửi nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T là trầm trọng, bản thân chị T biết việc anh H có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về việc anh H xin ly hôn cho Tòa án. Anh H và chị T đã có thời gian dài sống ly thân nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H và chị T không có con chung, không có tài sản, không vay mượn ai tài sản gì nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Vũ Văn H là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị T.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Anh Vũ Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006503 ngày 06-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh Vũ Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái